

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ KỲ ANH
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Thụ lý số: 26/2017/HSST
Ngày 25 - 4 - 2017
Bản án số: 28/2017/HSST
Ngày: 25- 7 - 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ KỲ ANH – TỈNH HÀ TĨNH**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Thanh Hương.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà: Hoàng Thị Thu Lâm

2. Ông: Nguyễn Văn Tư

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Văn Tư - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Kỳ Anh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh tham gia phiên toà: Ông Đào Đức Thắng - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân thị xã Kỳ Anh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 26/2017/HSST ngày 25/04/2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2017/QĐXXST-HS ngày 11/7/2017 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **ĐVH**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 30/9/1985. Tại xóm 7, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: Xóm 7, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: lớp 6/12; Dân tộc: Kinh; Quốc Tịch: Việt Nam; Tôn Giáo: Không; Con ông: A, sinh năm 1952; Con bà: B, sinh năm 1957. Cả hai hiện đang sinh sống tại xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; Anh, em ruột: Có 04 người, bị cáo là con thứ ba trong gia đình; Vợ: NTV, sinh năm 1993. Hiện đang sinh, sống tại xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; Con: có hai đứa, lớn nhất sinh năm 2009, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Năm 2006 bị Tòa án thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 tháng, theo bản án số 182/2006/HSST ngày 07/6/2006, đã được xóa án tích; Năm 2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 15 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 104/2013/HSST ngày 13/8/2013. Đã chấp hành xong hình phạt ngày 28/4/2014 và

đã chấp hành nộp phần án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai thu tiền số 6131 ngày 25/11/2013 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Đã đương nhiên được xóa án tích; Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh từ ngày 28/9/2016 đến nay. *(Có mặt)*

2. Họ và tên: **HVH**; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 05/9/1985; Tại Xóm 7, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nơi đăng ký HKTT và chỗ ở: xóm 7, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ văn hoá: lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn Giáo: Không; Con ông: E, sinh năm 1952; Con bà: F, sinh năm 1952; Cả hai hiện đang sinh, sống tại xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; Anh chị em ruột: Có 05 người, bị cáo là con thứ năm trong gia đình; Vợ: PTO, sinh năm 1992. Hiện đang sinh, sống tại xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng; Con: có hai đứa, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: Không; Về nhân thân: Ngày 13/8/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xử phạt 12 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 104/2013/HSST. Đã chấp hành xong hình phạt ngày 21/3/2014 và đã chấp hành nộp phần án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai số 6130 ngày 25/11/2013 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng. Đã được đương nhiên xóa án tích; Biện pháp ngăn chặn: Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Tĩnh từ ngày 28/9/2016 đến nay; *(Có mặt)*.

** Người bị hại:*

1. Anh PVH – Sinh năm: 1989; HKTT: Phường B, TP. B, tỉnh Hà Tĩnh; Hiện đang công tác tại Công ty X2, đóng trên địa bàn phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh *(Vắng mặt)*.

2. Ông CWL – Sinh năm: 1973; HKTT: Thành phố Tân Bắc, Đài Loan; Hiện đang công tác tại Công ty X, đóng trên địa bàn phường K1, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh *(Có mặt)*.

3. Ông KKH – Sinh năm: 1971; HKTT: Ban Quao Qu, Đài Bắc, Đài Loan; Hiện đang công tác tại Công ty X, đóng trên địa bàn phường K1, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh *(Có mặt)*.

4. Ông XT – Sinh năm: 1974; HKTT: Shan Xi, Trung Quốc; Hiện đang công tác tại Công ty X1, đóng trên địa bàn phường K2, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh *(Có mặt)*.

** Người phiên dịch cho ông CWL và ông KKH:* Bà TTKD. Hiện đang công tác tại Công ty X, đóng trên địa bàn phường K1, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh *(Có mặt)*.

** Người phiên dịch cho ông XT:* Ông THT, sinh năm: 1981. Hiện đang công tác tại Công ty X1, đóng trên địa bàn phường K2, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh *(Có mặt)*.

** Đại diện nguyên đơn dân sự theo ủy quyền:*

1. Chị HTL – Sinh năm: 1984 (Đại diện theo ủy quyền cho Công ty X2); Trú quán tại: Xã Q, thị xã B, tỉnh Quảng Bình; Hiện đang công tác tại Công ty X2 đóng trên địa bàn phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh *(Có mặt)*.

2. Chị NTT – Sinh năm: 1990; HKTT: Khối S, thị trấn S, huyện S, tỉnh Nghệ An; (Đại diện theo ủy quyền cho Công ty X3) Hiện là nhân viên Công ty X3 đóng trên địa bàn phường K1, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (*Có mặt*).

3. Chị PTO - Sinh năm: 1989 (Đại diện theo ủy quyền cho Công ty X1) trú quán: xã D, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh. Hiện đang công tác tại Công ty X1, đóng trên địa bàn phường K2, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (*Có mặt*).

** Luật sư bào chữa cho hai bị cáo:*

Ông BVT; sinh năm: 1952, Văn phòng Luật sư Thủy Nguyên thuộc đoàn Luật sư Hà Nội; Địa chỉ: Tầng 2 số 19, phường Trảng Thi, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội (*Có mặt*).

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị TTTN – Sinh năm: 1994; HKTT: xóm T, xã X, huyện N, tỉnh Hà Tĩnh (*Vắng mặt*).

2. Chị NTV1 – Sinh năm: 1993; HKTT: Xóm 7, thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng (*Vắng mặt có lý do*).

3. Chị PTO1 – Sinh năm: 1992; HKTT: Xóm 7, T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng (*Có mặt*).

4. Ông PVH – Sinh năm: 1959; HKTT: Xóm 7, thôn T, xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng (*Vắng mặt*).

5. Đại diện Ngân hàng NN& PTNT Việt Nam Chi nhánh Ngũ Lão Bắc Hải Phòng: Ông TVK – Giám đốc; Địa chỉ: Thôn T, xã A, huyện A TP. Hải Phòng (*Vắng mặt có lý do*).

** Người làm chứng:*

1. Chị TTH – Sinh năm: 1989; HKTT: xã X, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Hiện đang công tác tại Công ty X1, đóng trên địa bàn phường K2, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (*Vắng mặt*).

2. Chị HTL – Sinh năm: 1991; HKTT: xã C, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; Hiện đang công tác tại Công ty X1, đóng trên địa bàn phường K2, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh (*Vắng mặt*).

3. Ông YTC – Sinh năm: 1973; HKTT: Thành phố Đài Trung, Đài Loan; Hiện ở phòng xxx, nhà khách Công ty F (*Vắng mặt*).

4. Anh NAS – Sinh năm: 1994; HKTT: xã KK, huyện A, tỉnh Hà Tĩnh; Hiện là bảo vệ Công ty F (*Vắng mặt*).

5. Chị NTTH – Sinh năm: 1975; HKTT: Khối T, phường L, thành phố A, tỉnh Nghệ An (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 25/9/2016 Công an thị xã Kỳ Anh nhận được đơn trình báo của chị NTT, nhân viên bán hàng của Công ty X3, có trụ sở tại tầng 1 Nhà khách 9 tầng thuộc khu công nghiệp Formosa Hà Tĩnh với nội dung: Vào tối ngày 24/9/2016 đến sáng ngày 25/9/2016 tại Căng tin bán hàng của Công ty bị kẻ gian đột nhập vào cạy phá kết sắt và lục soát trong ngăn bàn trộm 2.500 USD (*Hai nghìn năm trăm đô la Mỹ*), 63.000.000 đồng (*Sáu mươi ba triệu đồng*) tiền Việt Nam đang lưu hành trên thị trường và 45 (*Bốn mươi lăm*) thẻ điện thoại do các nhà mạng vinaphone, viettel, mobifone. Sau khi nhận được tin báo cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Kỳ Anh đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, thu thập các tài liệu chứng cứ và qua Camera an ninh xác định đối tượng ĐVH và HVH là những người liên quan trong vụ trộm nêu trên. Vào lúc 20 giờ 30 phút ngày 28/9/2016 cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Kỳ Anh tiến hành kiểm tra hành chính tại Phòng số 201 của Nhà nghỉ TH thuộc phường K, thị xã K và bắt khẩn cấp các đối tượng ĐVH và HVH để điều tra làm rõ. Tại cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Kỳ Anh bị cáo ĐVH và HVH đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như sau:

Do có ý định từ trước vào địa bàn thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh để trộm cắp tài sản, nên khoảng 06 giờ sáng ngày 24/9/2016 ĐVH, sinh năm 1985 có hộ khẩu thường trú tại Xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, đến nhà ông PVH (Sinh năm 1959) là người cùng xóm mượn chiếc xe mô tô nhãn hiệu SYM, loại xe Angel, màu ghi - bạc, biển kiểm soát 14K2 - xxxx, sau đó điều khiển xe mô tô đến một quán bán vật liệu xây dựng ở xã Thủy Triều, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng mua 02 (hai) chiếc búa đinh (*Một cái dài 10cm, đầu búa nhỏ; Một cái dài 10cm, đầu búa to*), 02 (hai) cái xà cạy (*gọng gà*) 01 (một) cái dài 40cm và 01 (một) cái dài 46cm, có một đầu dẹp, một đầu dẹp uốn cong và 02 (hai) cái tua vít (*Một cái cán làm bằng nhựa màu đen, một cái cán bằng nhựa màu vàng*). Sau khi mua xong các dụng cụ trên, ĐVH điện thoại cho HVH, sinh năm 1985 là bạn ở cùng xóm, lên ngã tư Quán Toan thuộc địa phận thành phố Hải Phòng bắt xe khách đi vào thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh để trộm tài sản, HVH đồng ý. Khoảng 10 giờ cùng ngày, ĐVH và HVH bắt xe khách chạy tuyến Hải Phòng - Vinh gửi kèm theo xe mô tô có đặc điểm nêu trên. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày khi đến bến xe thành phố Vinh, cả hai người tiếp tục bắt xe ô tô khách tuyến Vinh- Đà Nẵng gửi kèm theo xe mô tô, tiền vé xe của hai người và tiền gửi xe mô tô từ Hải Phòng vào thị xã Kỳ Anh do ĐVH trả tổng hết 860.000 đồng (*Tám trăm sáu mươi nghìn đồng*). Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, ĐVH và HVH đi đến thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh. Khi xuống xe ô tô, ĐVH điều khiển xe mô tô đến một quán tạp hóa gần ngã ba trên Quốc lộ 1A mua một cái khẩu trang có sọc cờ rô màu nâu và một đôi găng tay bằng len màu trắng - đỏ hết 15.000 đồng (*Mười lăm nghìn đồng*), rồi quay lại chờ Hải đến nhà nghỉ ĐT ở phường K, thị xã K thuê phòng nghỉ. Đến khoảng 01 giờ ngày 25/9/2016 ĐVH dậy và gọi HVH để đi trộm cắp tài sản và ĐVH lấy các dụng cụ dùng cho việc trộm cắp tài sản bỏ vào ba lô, rồi lấy xe mô tô điều khiển chở HVH ra đi từ nhà nghỉ ĐT

theo đường Quốc lộ 1A hướng vào Nam. Khi đi đến cổng khu Công nghiệp Formosa Hà Tĩnh, ĐVH dừng xe lại, ĐVH lấy các dụng cụ đã chuẩn bị từ trước, đeo găng tay vào và nói với HVH đứng chờ để ĐVH đi vào phía trong khu Công nghiệp thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Tiếp đó ĐVH đi bộ đến tường rào và trèo vào phía trong, đi đến Cổng tin Công ty X3 ở tầng 1 của khu nhà 9 tầng thuộc Công ty Formosa Hà Tĩnh, trèo qua cửa sổ vào phát hiện 01 cái két sắt đặt ở góc quầy hàng, nên ĐVH rút 2 ốc cắm điện của Camera an ninh, sau đó dùng xà cạy (gong gà) mang theo chọc vào két sắt, khoảng 15 đến 20 phút cánh cửa két sắt bị sập vào phía trong, nên ĐVH dùng tay kéo cánh cửa két ra, thấy trong két có nhiều tiền Việt Nam đồng và tiền đô la Mỹ (USD) ĐVH lấy hết số tiền cho vào túi, sau đó tiếp tục lục soát trong ngăn kéo của chiếc bàn để bên cạnh thấy một số tiền lẻ và thẻ cào điện thoại gồm thẻ mạng Viettel; Vinaphone; Mobifone. Khi lấy được số tài sản trên ĐVH cho vào túi, rồi theo đường lúc vào trèo ra ngoài, đồng thời gọi điện cho HVH đến đón. Đến khoảng 05 giờ sáng ngày 25/9/2016, ĐVH và HVH về nhà nghỉ ĐT mở ra kiểm tra thấy số tài sản trộm được tại Công ty X3 gồm có tiền Việt Nam đồng loại mệnh giá 100.000đồng đến 500.000đồng, với tổng 63.000.000 đồng (*Sáu mươi ba triệu đồng*), tiền Đô la Mỹ (USD) loại mệnh giá 100 USD tổng 2.500 USD (*Hai nghìn năm trăm đô la Mỹ*) quy đổi ra tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 54.872.500 đồng (*Năm mươi tư triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng*); Thẻ điện thoại di động của mạng Viettel; Vinaphone; Mobifone, loại thẻ giá 50.000 đồng (21 cái); 100.000 đồng (14 cái); 200.000 đồng (10 cái) tổng giá trị 4.450.000 đồng (*Bốn triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng*). Sau khi kiểm tra số tài sản trộm được ĐVH chia cho HVH số tiền 23.000.000 đồng (*Hai mươi ba triệu đồng*) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành và 700 USD (*Bảy trăm đô la Mỹ*), còn lại ĐVH cất giữ. Đến ngày 26/9/2016, ĐVH đã gửi cho vợ là NTV thường trú ở xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, theo số tài khoản xxxxx của Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Ngũ Lão Thủy Nguyên, Hải Phòng với số tiền 51.000.000 đồng (*Năm mươi một triệu đồng*). Số thẻ điện thoại di động, ĐVH cào và nạp vào tài khoản điện thoại số xxxxx của mình để sử dụng 03 thẻ Viettel mệnh giá mỗi thẻ 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*); cào và gửi cho vợ là NTV ba thẻ mạng Viettel, trong đó hai thẻ mệnh giá 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*), một thẻ mệnh giá 100.000đồng (*Một trăm nghìn đồng*) qua số điện thoại xxxxx; nạp vào số điện thoại cho anh H ở xã A, huyện A hai thẻ mạng Mobifone mệnh giá mỗi thẻ 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*). Còn HVH cào và nạp vào tài khoản số điện thoại của mình là xxxxx ba thẻ Viettel gồm: 01 (một) thẻ loại 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*); 02 (hai) thẻ loại 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*).

Các tài sản do ĐVH và HVH chiếm đoạt được xác định chủ sở hữu là Công ty X3 có trụ sở tại Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An với tổng số tiền bị thiệt hại quy đổi ra tiền Ngân hàng Nhà nước Việt Nam là 122.322.500 đồng (*Một trăm hai mươi hai triệu ba trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng*).

Ngoài lần trộm nêu trên, trong quá trình điều tra vụ án ĐVH cùng HVH còn khai nhận các lần trộm cụ thể như sau:

* *Lần thứ nhất*: Vào khoảng 01 (Một) giờ sáng ngày 27/9/2016, HVH điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 14K2- xxxx chở ĐVH phía sau mang ba lô màu đen, bên trong có 01 (Một) cái xà cạp, 01 (Một) cái búa đinh, 01 (Một) tua vít, 01 (Một) đôi găng tay màu đỏ - trắng, 01 (Một) chiếc khăn trùm đầu bịt mắt, đi từ nhà nghỉ TH ở phường K, thị xã K lên đường Quốc lộ 1B, sau đó đến khu nhà Công ty X đóng trên địa bàn phường K1, thị xã K để trộm cắp tài sản. Khi đến đoạn đường đối diện Công ty X, HVH dừng xe đứng ngoài chờ, còn ĐVH mang theo ba lô có các dụng cụ nêu trên đi bộ đến tường rào lấy găng tay, khăn trùm đầu bịt mắt đeo vào, rồi trèo qua tường rào đột nhập vào một ngôi nhà thấy cửa sổ không khóa. Khi vào phía trong nhà, ĐVH đi theo cầu thang lên tầng hai thấy một phòng ngủ của ông CWL (Sinh 1973 Quốc tịch Đài Loan) không đóng cửa, nên ĐVH đi vào lục túi quần lấy 01 (Một) ví da, sau đó lục trong ngăn kéo chiếc bàn lấy thêm 01 (Một) ví da khác. Sau đó mở hai cái ví da kiểm tra trong có 6.000.000 đồng (*Sáu triệu đồng*) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành trên thị trường, 200USD (*Hai trăm Đô la Mỹ*), quy đổi thành tiền do ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành có giá trị là 4.389.800 đồng (*Bốn triệu ba trăm tám mươi chín nghìn tám trăm đồng*); 500CNY (năm trăm nhân dân tệ) quy đổi thành tiền do ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành có giá trị là 1.670.500 đồng (*Một triệu trăm đồng*), 8.200 TWD (*Tám nghìn hai trăm Tân Đài Tệ tiền Đài Loan*) quy đổi thành tiền do ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành có giá trị là 5.680.140 đồng (*Năm triệu sáu trăm tám mươi nghìn một trăm bốn mươi đồng*). Sau khi lấy hết số tiền, ĐVH để 02 (Hai) chiếc ví da lại rồi tiếp tục đi sang phòng khác để trộm cắp tài sản. Tổng cộng số tiền ĐVH chiếm đoạt của ông CWL là 17.740.440 đồng (*Mười bảy triệu bảy trăm bốn mươi nghìn bốn trăm bốn mươi đồng*)

Tiếp đó ĐVH đi đến phòng ngủ của ông KKH (Sinh 1971 Quốc tịch Đài Loan) lục trong ngăn kéo chiếc bàn trộm 01 (Một) ví da, bên trong có 100 CNY (*Một trăm Nhân dân tệ*) quy đổi thành tiền do ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành có giá trị là 334.100 đồng (*Ba trăm ba mươi tư nghìn một trăm đồng*); 4.500.000đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành trên thị trường; 1.000 JPY (*Một nghìn Yên Nhật Bản*) quy đổi thành tiền do ngân hàng nhà nước Việt Nam có giá trị 217.270 đồng (*Hai trăm mười bảy nghìn hai trăm bảy mươi đồng*); 20USD (Hai mươi Đô la Mỹ) quy đổi ra tiền Việt Nam là 438.980 đồng (*Bốn trăm ba mươi tám nghìn chín trăm tám mươi đồng*); 100 TWD (*Một trăm tiền Tân Đài tệ của Đài Loan*) quy đổi ra tiền Việt Nam là 69.270 đồng (*Sáu mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi đồng*). Sau khi trộm được số tài sản trên, ĐVH thoát ra ngoài gọi điện cho HVH đến chờ, khoảng 03 giờ sáng cùng ngày cả hai về nhà nghỉ TH để nghỉ. Tổng số tiền ĐVH đã chiếm đoạt của ông KKH là 5.559.620 đồng (*Năm triệu năm trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm hai mươi đồng*)

Khi về phòng, ĐVH đưa số tài sản trộm được cho HVH cất giữ, còn ĐVH giữ lại 220USD (Hai trăm hai mươi Đô la Mỹ). Đến 12 giờ cùng ngày ĐVH điều khiển xe mô tô 14K2 - xxxx chở Hải đến đến tiệm Vàng bạc Trung Hiếu ở phường Sông Trí, thị xã Kỳ Anh, ĐVH đổi 600 CNY (Sáu trăm nhân dân tệ Trung Quốc) lấy 2.000.000đồng (*Hai triệu đồng*) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành trên thị trường; đổi 4.400 TWD (Bốn nghìn bốn trăm tiền Tân Đài tệ Đài Loan) lấy 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*) tiền Ngân hàng Việt Nam đang lưu hành trên thị trường. Sau khi đổi tiền xong ĐVH chia cho HVH 9.000.000đồng (*Chín triệu đồng*) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành trên thị trường và 1.000 JYP (Một nghìn Yên Nhật Bản). Tiếp đó ĐVH đến Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thị xã Kỳ Anh đóng trên địa bàn phường K2, thị xã K gửi vào số tài khoản xxxxx cho vợ là NTV với số tiền 22.000.000đồng (*Hai mươi hai triệu đồng*). HVH đi đến Phòng giao dịch Ngân hàng HDBANK Vũng Áng đóng trên địa bàn phường K2, thị xã K, gửi vào số tài khoản ngân hàng xxxxx cho vợ là PTO (Sinh 1992, hộ khẩu thường trú tại xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng) với số tiền 10.000.000đồng (*Mười triệu đồng*).

* *Lần thứ hai*: Vào khoảng 01 (Một) giờ sáng ngày 28/9/2016, HVH điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 14K2 - xxxx chở ĐVH mang theo ba lô màu đen bên trong có 02 (Hai) cái xà cạy, 01 (Một) cái búa đinh, 01 (Một) cái tua vít, 01 (Một) đôi găng tay màu trắng - đỏ, 01 (Một) cái khăn trùm đầu bịt mặt đi từ nhà nghỉ TH theo Quốc lộ 1A hướng vào Nam khoảng 03Km. Khi đến trước cổng nhà văn phòng Công ty X1 đóng trên địa bàn phường K2, thị xã K, HVH dừng xe đứng phía ngoài chờ, còn ĐVH đeo găng tay và trùm khăn vào trèo qua tường rào vào phía trong thấy cửa xếp làm bằng kim loại không khóa, nên đã đột nhập vào trong phòng ngủ của ông XT(Sinh 1974, Quốc tịch Trung Quốc), lục trong túi quần trộm 01 (Một) ví da bên trong có 5.000.000đồng (*Năm triệu đồng*) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành trên thị trường. Sau khi lấy số tiền trên, ĐVH để ví da lại, rồi tiếp tục ra phòng làm việc phát hiện 01 (Một) cái két sắt của Công ty đang đặt ở góc tường, thì ĐVH dùng xà cạy (gọng gà) mang theo chọc xung quanh cánh cửa bị sập vào trong, nên dùng tay kéo cánh cửa két ra lấy 30.000.000đồng (*Ba mươi triệu đồng*) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành trên thị trường. Khi trộm được các tài sản trên, ĐVH thoát ra ngoài gọi điện cho HVH đến đón, sau đó ĐVH đưa số tiền trộm ở két sắt của Công ty cho HVH cất giữ, rồi cùng nhau đi ăn uống. Đến 06 (Sáu) giờ cùng ngày cả hai về nhà nghỉ TH và Hải đưa số tiền lại cho ĐVH cất giữ. Đến 16 giờ ngày 28/9/2016 ĐVH chia cho HVH 13.000.000đồng (*Mười ba triệu đồng*) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành trên thị trường, sau đó ĐVH và HVH đến Ngân hàng HDbank Vũng Áng đóng tại phường K2, thị xã K, Hải gửi theo số tài khoản xxxxx của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tại Ngũ Lão, thành phố Hải Phòng cho anh ĐVN hộ khẩu thường trú ở xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng số tiền 12.300.000đồng (*Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng*) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành trên thị trường để trả nợ. Còn ĐVH đến Ngân hàng nông

ng nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh thị xã Kỳ Anh đóng trên địa bàn phường K2, thị xã K, gửi vào tài khoản xxxxx của vợ là NTV với số tiền 25.000.000đồng (*Hai mươi lăm triệu đồng*).

Ngoài các lần cùng HVH thực hiện hành vi trộm cắp nêu trên, ĐVH còn khai nhận một mình đã thực hiện hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 01 giờ 34 phút ngày 17/9/2016, một mình ĐVH lén lút đột nhập vào Công ty X2, nơi ngôi nhà B2 khách sạn P đóng trên địa bàn phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Khi vào trong ngôi nhà, ĐVH phát hiện có 02 (Hai) chiếc camera an ninh nên đã nhặt một thanh gỗ đẩy camera chếch lên trên để đảm bảo an toàn khi thực hiện hành vi phạm tội. Khi đẩy camera xong, ĐVH lấy khăn trùm đầu bịt mặt và găng tay chuẩn bị từ trước đeo vào và lấy xà cạp mang theo đến cửa ra vào phòng số 2 tầng một cạy phá vào trong văn phòng phát hiện một chiếc két sắt đặt sát tường, ĐVH dùng xà cạp phá két phát hiện ở ngăn dưới 03(Ba) cọc tiền do Ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành trên thị trường có mệnh giá 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) được bọc trong tờ giấy trắng, ngăn tủ phía trên có 05 (Năm) cọc tiền do ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành trên thị trường với mệnh giá 200.000đồng (*Hai trăm nghìn đồng*), ĐVH lấy toàn bộ số tiền trên bỏ vào túi nilon màu đen nhặt trên bàn làm việc của Công ty. Sau đó tiếp sang dãy nhà có cửa hướng ra đường Quốc lộ 1A, thấy cửa sổ không khóa, thì Hiệp trèo vào cửa sổ phòng số 117 lấy trộm của anh PVH (Sinh 1989 có hộ khẩu thường trú Tổ 8, phường T, thành phố Hà Tĩnh) số tiền 1.500.000đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*). Sau khi trộm được các tài sản nêu trên, khoảng 04 giờ sáng cùng ngày ĐVH ra đường Quốc lộ 1A bắt xe khách về thành phố Hải Phòng. Khi về đến xã Phúc Lễ, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng, ĐVH lấy toàn bộ số tiền ra kiểm đếm được 161.500.000đồng (*Một trăm sáu mươi một triệu năm trăm nghìn đồng*). Sau đó bắt xe khách đến tỉnh Quảng Ninh dùng số tiền trộm được để phục vụ ăn chơi. Đến ngày 19/9/2016, ĐVH đến Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng gửi vào tài khoản xxxxx của vợ là NTV, với số tiền 80.000.000đồng (*Tám mươi triệu đồng*).

Số tài sản trên được xác định chủ sở hữu là Công ty X2 có trụ sở đóng tại phường K, thị xã K, tỉnh Hà Tĩnh với số tiền 163.372.000 đồng (*Một trăm sáu mươi ba triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng*); của anh PVH (Sinh 1989 có hộ khẩu thường trú Tổ 8, phường T, thành phố Hà Tĩnh) số tiền 1.500.000đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

- Số tiền sau khi thực hiện hành vi phạm tội, ĐVH đã 04 (Bốn) lần gửi vào tài khoản của vợ là NTV với số tài khoản là xxxxx của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh Ngũ Lão, Thủy Nguyên, Hải Phòng với tổng số tiền là 178.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi tám triệu đồng*). Chị NTV đã rút 3.000.000 đồng (*Ba triệu đồng*), còn lại 175.000.000 đồng (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng*) đã bị cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Kỳ Anh ban hành

văn bản số 31/CV-CQĐT ngày 28/12/2016 yêu cầu Ngân hàng niêm phong tài khoản để phục vụ công tác điều tra theo quy định.

- ĐVH đã chia cho HVH 03 lần với tổng số tiền 45.000.000 đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng) tiền do ngân hàng Nhà nước Việt Nam đang lưu hành; 700USD (Bảy trăm đô la Mỹ); 1.000 JPY (Một nghìn Yên Nhật Bản); ba thẻ điện thoại tổng giá trị 250.000 đồng (Hai trăm năm mươi nghìn đồng). Tổng số tiền Hải được hưởng là 60.831.570 đồng (Sáu mươi triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm bảy mươi đồng). Ngày 27/9/2016, HVH đã gửi vào số tài khoản xxxxx thuộc Ngân hàng HDBank cho vợ là PTO với số tiền 10.000.000đồng (Mười triệu đồng); ngày 28/9/2016, HVH gửi vào số tài khoản xxxxx của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tại Ngũ Lão, thành phố Hải Phòng cho anh ĐVN hộ khẩu thường trú ở xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng số tiền 12.300.000 đồng (Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng) để trả nợ. Số tiền sau khi Hải gửi, đã được PTO và ĐVN rút chi tiêu hết.

Số tiền còn lại ĐVH và HVH đã chi tiêu sử dụng cá nhân, ĐVH còn 3.096.000 đồng (Ba triệu không trăm chín mươi sáu nghìn đồng); HVH còn tổng cộng 828.000 đồng (Tám trăm hai mươi tám nghìn đồng) đã bị Cơ quan điều tra thu giữ trả lại cho Công ty X3.

Theo thông báo của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam số 7063/NHNNo-TCKT ngày 30/9/2016 và biên bản làm việc ngày 06/12/2016 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Kỳ Anh và đại diện Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tại thị xã Kỳ Anh xác định tỷ giá các ngoại tệ liên quan đến các vụ trộm cắp tài sản tại thời điểm tháng 9/2016, cụ thể là:

TT	Tên ngoại tệ	Ký hiệu	Mã ngoại tệ	Tỷ giá (VND)
1	Đô la Mỹ	USD	37	21.949
2	Tiền Yên Nhật Bản	JPY	41	217,27
3	Nhân dân tệ Trung Quốc	CNY	26	3.341
4	Tân Đài tệ Đài Loan	TWD		692,7
5	Tiền Trung Quốc	YUAN		3.341

Tại cáo trạng số 26/CTr- KSĐT ngày 24/4/2017 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh - Tỉnh Hà Tĩnh đã truy tố bị cáo ĐVH về tội “Trộm cắp tài sản” theo

quy định tại Điểm a Khoản 3, Điều 138 Bộ luật hình sự và bị cáo HVH về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo Điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu và nhất trí với quyết định truy tố.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 138, Điểm o,p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điểm g Khoản 1 Điều 48 – Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 4 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội. Xử phạt bị cáo ĐVH mức án từ 8 - 9 năm tù và áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 138, Điểm o,p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điểm g Khoản 1 Điều 48 – Bộ luật Hình sự năm 1999, Điều 4 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội. Xử phạt HVH mức án từ 2 - 3 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 – Bộ luật Hình sự năm 1999 các Điều 584, 585, 586, 587, 589 – Bộ luật Dân sự năm 2015 buộc các bị cáo phải bồi thường cho người bị hại và nguyên đơn dân sự.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay Luật sư bào chữa cho các bị cáo hoàn toàn nhất trí quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng cũng như nội dung bản Cáo trạng và lời luận tội của đại diện VKSND Thị xã Kỳ Anh. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét các tình tiết có lợi để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Ý kiến của người bị hại, nguyên đơn dân sự, người liên quan, nhất trí với ý kiến luận tội của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Tòa án xét xử đúng pháp luật; Về phần hình phạt giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; Về phần bồi thường thì như yêu cầu tại Cơ quan điều tra. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay người bị hại đồng ý thỏa thuận với các bị cáo về số tiền ngoại tệ gồm: Đài tệ, Nhân dân tệ, USD (Đô la Mỹ) chuyển đổi ra tiền Việt Nam đồng theo thời điểm xảy ra các hành vi trộm cắp là tháng 9/2016.

Đối với đại diện Ngân hàng NN& PTNT Việt Nam Chi nhánh Ngũ Lão Bắc Hải Phòng tại phiên tòa hôm nay vắng mặt. Nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và chấp hành mọi quyết định của Tòa án.

Lời nói sau cùng của các bị cáo ĐVH và HVH: Các bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và rất hối hận về hành vi mà các bị cáo đã gây ra; mong HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo để sớm trở về đoàn tụ gia đình tìm công việc lương thiện làm ăn, nuôi dạy con cái.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ,

ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo và lời khai của những người tham gia tố tụng khác có trong hồ sơ vụ án;

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Thị xã Kỳ Anh, Viện kiểm sát nhân dân Thị xã Kỳ Anh. Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, Luật sư bào chữa cho các bị cáo xuất trình tài liệu chứng cứ phù hợp với qui định của pháp luật: Luật sư, các bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, không có người nào có ý kiến gì khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo ĐVH, HVH đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, nguyên đơn dân sự, người làm chứng, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, phù hợp về thời gian, địa điểm, tang vật chứng thu hồi và các tài liệu có tại hồ sơ vụ án nên đã đủ cơ sở kết luận: Ngày 25/9/2016 đến ngày 28/9/2016, ĐVH và HVH đã lén lút thực hiện ba lần trộm cắp tài sản tại địa bàn thị xã Kỳ Anh, cụ thể là: Chiếm đoạt của Công ty X3 về tiền Việt Nam, đô la Mỹ, 45 (*Bốn mươi lăm*) thẻ cào để nộp điện thoại di động các loại với tổng số tiền quy đổi là 122.322.500 đồng (*Một trăm hai mươi hai triệu ba trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng*); chiếm đoạt của ông ông CWL tiền Việt Nam đồng và các ngoại tệ có tổng trị giá quy đổi là 17.740.440 đồng (*Mười bảy triệu bảy trăm bốn mươi nghìn bốn trăm bốn mươi đồng*); chiếm đoạt của ông KKH tiền Việt Nam đồng và các loại ngoại tệ quy đổi là 5.559.620 đồng (*Năm triệu năm trăm năm mươi chín nghìn sáu trăm hai mươi đồng*); chiếm đoạt của Công ty X1 số tiền 30.000.000đồng (*Ba mươi triệu đồng*) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam; chiếm đoạt của XT 5.000.000đồng (*Năm triệu đồng*) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam. Tổng cộng giá trị thiệt hại tài sản do ĐVH và HVH chiếm đoạt là 180.622.560 đồng (*Một trăm tám mươi triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi đồng*); trong đó ĐVH chia cho HVH tổng cả tiền Việt Nam đồng và ngoại tệ quy đổi là 60.831.570 đồng (*Sáu mươi triệu tám trăm ba mươi lăm nghìn năm trăm bảy mươi đồng*), HVH đã gửi cho vợ là PTO và anh ĐVN số tiền 22.300.000 đồng (*Hai mươi hai triệu ba trăm nghìn đồng*) số còn lại HVH chi tiêu; Số tiền còn lại ĐVH giữ và chi tiêu và đã gửi về cho vợ là NTV 03 lần theo tài khoản số xxxxx với tổng số tiền 98.000.000 đồng (*Chín mươi tám triệu đồng*). Ngoài ra ngày 17/9/2016, ĐVH đã một mình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của Công ty X2 với số tiền 163.372.000 đồng (*Một trăm sáu mươi ba triệu ba trăm bảy mươi hai nghìn đồng*); của anh PVH số tiền 1.500.000đồng (*Một*

triệu năm trăm nghìn đồng). Sau khi chiếm đoạt ĐVH đã gửi về cho vợ là NTV theo tài khoản số xxxxx với số tiền là 80.000.000 đồng (*Tám mươi triệu đồng*), số còn lại ĐVH chi tiêu hết. Như vậy, hậu quả hành vi trộm cắp của ĐVH phải chịu trách nhiệm hình sự là 180.622.560 đồng (*Một trăm tám mươi triệu sáu trăm hai mươi hai nghìn năm trăm sáu mươi đồng*) cộng với số tiền 164.872.000 đồng (*Một trăm sáu mươi tư triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng*) thành 345.494.560 đồng (*Ba trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi tư nghìn năm trăm sáu mươi đồng*).

Với hành vi nêu trên, nên VKSND Thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh đã truy tố và đưa ra xét xử bị cáo ĐVH về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 và HVH về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật không có gì oan sai.

[3]. Đánh giá tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, lỗi trong vụ án này là lỗi cố ý trực tiếp. Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, Các bị cáo ĐVH, HVH đã có hành vi lén lút trộm cắp tài sản mục đích lấy tiền tiêu xài cá nhân. Hành vi đó đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của công dân, Doanh nghiệp được pháp luật bảo vệ, làm mất trật tự an toàn xã hội gây tâm lý lo lắng trong quần chúng nhân dân. Đây là vụ án đồng phạm, trong đó ĐVH là người khởi xướng 03 lần và đồng thời là người thực hành tích cực; Còn HVH là người giúp sức tích cực. Ngoài các lần cùng HVH thực hiện hành vi trộm cắp nêu trên, ĐVH còn 01 lần, một mình thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản. Từ đó chứng tỏ các bị cáo coi thường kỷ cương pháp luật nên cần phải xử lý nghiêm minh nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

Về tình tiết định khung hình phạt:

Hành vi của ĐVH vi phạm tình tiết định khung tăng nặng “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng*” được quy định tại Điểm a Khoản 3 Điều 138 - Bộ luật Hình sự nên bị cáo bị xét xử ở Điểm a Khoản 3 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Hành vi của HVH vi phạm tình tiết định khung tăng nặng “*Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng*” được quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 138 - Bộ luật Hình sự nên bị cáo bị xét xử ở Điểm e Khoản 2 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với các bị cáo:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo ĐVH đã 4 lần trộm cắp tài sản, bị cáo HVH 3 lần trộm cắp tài sản. Đây là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Phạm tội nhiều lần*” quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự. Nên các bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nói trên.

Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo; đã tác động với gia đình tự nguyện bồi thường trước một phần thiệt hại, Bị cáo ĐVH đã báo với gia đình để liên hệ với Ngân hàng NN& PTNT Việt Nam Chi nhánh Ngũ Lão Bắc Hải Phòng chuyển số tiền 175.000.000đ (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn*) nằm trong tài khoản số xxxxx mang tên NTV đến cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo công tác thi hành án sau này; Người phạm tội tự thú; Tại phiên tòa hôm nay bị hại có đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm b, Điểm o, Điểm p Khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Để áp dụng các quy định có lợi cho người phạm tội theo nội dung Khoản 3 Điều 7 của Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 4 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; thì HĐXX cần áp dụng Khoản 1, Khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: Đương nhiên được xóa án tích cho các bị cáo.

Sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như lời đề nghị của vị đại diện VKSND thị xã Kỳ Anh là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra HĐXX nhận thấy. Đối với bị cáo ĐVH là người khởi xướng và là người trực tiếp thực hành tích cực nên phải chịu trách nhiệm chính trong vụ án; Bản thân có 2 tiền án đương nhiên đã được xóa án tích nhưng phải coi là nhân thân xấu. Tuy VKS có đề nghị mức án từ 8 - 9 năm tù nhưng xét thấy bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ; quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay đã thành khẩn khai báo nên cần xử bị cáo mức án tương xứng cao hơn mức khởi điểm của khung hình phạt cũng đủ nghiêm. Còn bị cáo HVH phạm tội với vai trò giúp sức tích cực; nhân thân có 01 tiền án đã được xóa án tích nhưng không coi là có nhân thân tốt nên cần xử bị cáo mức khởi điểm của khung hình phạt là phù hợp với quy định của pháp luật. Và cách ly các bị cáo ra khỏi cuộc sống cộng đồng một thời gian để tự bản thân suy ngẫm về hành vi của mình đã gây ra và cải tạo trở thành con người có ích cho gia đình và xã hội như vậy mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo và phòng ngừa chung.

Theo các tài liệu chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy các bị cáo là lao động tự do, không có thu nhập, hiện đang nuôi con nhỏ; Nên HĐXX quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4]. Trong vụ án này, ông PVH là người cho ĐVH mượn chiếc xe mô tô biển kiểm soát 14K2 - xxxx khi cho mượn xe ông H không biết ĐVH sử dụng làm phương tiện phạm tội, nên không có căn cứ xử lý Hội đồng xét xử miễn xét.

Đối với NTV (vợ của ĐVH), PTO (vợ của HVH) là những người được ĐVH và HVH gửi tiền vào tài khoản để nhận, nhưng khi gửi tiền ĐVH và HVH không nói rõ số tiền đó do phạm tội mà có nên không có căn cứ để xử lý nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Còn đối với ĐVN được HVH gửi số tiền 12.300.000đồng (*Mười hai triệu ba trăm nghìn đồng*), theo HVH khai là trả nợ cho anh N, trong quá trình điều tra

CQCSĐT Công an thị xã Kỳ Anh đã tiến hành xác minh tuy nhiên không biết địa chỉ và quê quán anh N ở đâu, nên không có căn cứ xử lý.

Đối với số tiền 1.000 USD (*Một nghìn đô la Mỹ*) theo ông CWL báo mất và yêu cầu các bị cáo bồi thường. Quá trình điều tra chưa có chứng cứ để xác định số tiền này các bị cáo chiếm đoạt, nên không có cơ sở kết luận. Tại phiên tòa ông cũng đồng ý như lời luận tội của đại diện VKS về số tiền nói trên và không có yêu cầu. Nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5]. Vật chứng thu giữ:

1. Kiểm tra hành chính thu giữ gồm:

- 01 (Một) chiếc quần ngố màu xanh nõn chuối, có 02 túi trước và 02 túi sau, trên mép mỗi túi quần có dòng chữ FSSPORT kiểm tra bên trong túi quần phát hiện:

- 01 (Một) thẻ cào điện thoại do nhà mạng vinaphone phát hành có mệnh giá 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*) số seri 3619570013337. Đã bị cào rách phần mã thẻ nạp tiền.

- 05 (Năm) thẻ cào điện thoại do nhà mạng Mobifone phát hành mệnh giá mỗi thẻ cào là 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*) có số seri lần lượt là: 045811001938061; 45811001938062; 045811001938063; 045811001938067; 045811001938068, các thẻ cào đã bị rách một phần mã nạp tiền của thẻ.

- 01 (Một) thẻ cào điện thoại do nhà mạng Mobifone phát hành mệnh giá 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) có số seri 040081000886952, đã bị rách một phần mã thẻ nạp tiền.

- 01 (Một) thẻ cào điện thoại do nhà mạng Mobifone phát hành mệnh giá 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) có số seri 037041001858692, đã bị rách một phần mã thẻ nạp tiền.

- 02 (Hai) thẻ cào điện thoại do nhà mạng viettel phát hành mệnh giá 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) có số seri lần lượt là: 22765701988 và 22765701990, thẻ cào chưa sử dụng.

- 01 (Một) tờ tiền có mệnh giá 2.000 đồng (*Hai nghìn đồng*); 05 (Năm) tờ tiền có mệnh giá 1.000 đồng (*Một nghìn đồng*); 06 tờ tiền có mệnh giá 500 đồng (*Năm trăm đồng*) do ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành.

- 01 (Một) chiếc ba lô màu đen, có hai quai màu đen, không kiểm tra chi tiết bên trong.

- 01 (Một) thanh gỗ hình tròn đường kính 3,8 cm, dài 42,5cm.

- 01 (Một) vật bằng kim loại, màu nám đen, dạng búa có kích thước 13 x 6 x 5 cm, ở giữa có lỗ hình bầu dục nơi rộng nhất là 4cm, nơi hẹp nhất là 3,5 cm.

- 01 (Một) xà cạy bằng kim loại, màu xám đen có chiều dài 39,5 cm, một đầu đập dẹp và một đầu đập dẹp uốn cong có rãnh ở giữa.

- 01 (Một) tua vít dài 19,5 cm, có cán màu vàng dài 10cm.
- 01 (Một) ống nhựa màu trắng, một đầu đút vào ống nhựa màu đỏ, một đầu đút vào nắp chai màu vàng đường kính 0,4cm.
- 01 (Một) ống nhựa màu đỏ, sọc trắng dài 8cm, đường kính 0,5cm.
- 01 (Một) ống thủy tinh màu xanh, một đầu tròn, dài 11cm.
- 01 (Một) vật được bọc trong nilon dài 8cm, không kiểm tra chi tiết bên trong.

2. ĐVH giao nộp:

- 01 (Một) chiếc cặp da màu đen, có hai quai màu đen, bên trong có:
 - 06 (Sáu) tờ tiền Polyme mệnh giá 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) do ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.
 - 01 (Một) tờ tiền Polyme mệnh giá 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*) do ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.
 - 04 (Bốn) tờ tiền Polyme mệnh giá 10.000 đồng (*Mười nghìn đồng*) do ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.
 - 01 (Một) tờ tiền giấy mệnh giá 5.000 đồng (*Năm nghìn đồng*) do ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.
 - 01 (Một) tờ tiền giấy mệnh giá 1.000 đồng (*Một nghìn đồng*) do ngân hàng Nhà nước Việt Nam phát hành.
- 02 (Hai) tờ tiền giấy mệnh giá 100 USD (*Một trăm đô la Mỹ*) có số seri LB95327245P và LB888846639R do nước Mỹ phát hành.
- 03 (Ba) tờ tiền giấy mệnh giá 1.000 TWD (*Một nghìn Tân Đài tệ*) có số seri HR507747ZJ, AM212596VG; NZ362802BS do Đài Loan phát hành.
- 01 (Một) đôi găng tay bằng len có màu đỏ trắng.
- 01 (Một) khẩu trang có sọc cờ rô màu nâu.
- 01 (Một) chiếc xe máy nhãn hiệu SYM, loại xe Angel, màu sơn Ghi – Bạc, số khung xxxxx, số máy không xác định, biển kiểm soát 14K2 – xxxx, xe đã qua sử dụng.
- 02 (Hai) chiếc điện thoại Nokia 1280, màu đen, một chiếc có IMEI 351876/01/184782/7, một chiếc có IMEI 353690/05/707061/8, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong.

3. HVH giao nộp:

- 01 (Một) tờ tiền Polyme mệnh giá 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*) do ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành.

- 01 (Một) tờ tiền Polyme mệnh giá 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) do ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành.

- 01 (Một) tờ tiền Polyme mệnh giá 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) do ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành.

- 01 (Một) tờ tiền Polyme mệnh giá 20.000 đồng (*Hai mươi nghìn đồng*) do ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành.

+) 01 (Một) tờ tiền giấy mệnh giá 5.000 đồng (*Năm nghìn đồng*) do ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành.

- 01 (Một) tờ tiền giấy mệnh giá 2.000 đồng (*Hai nghìn đồng*) do ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành.

- 01 (Một) tờ tiền giấy mệnh giá 1.000 đồng (*Một nghìn đồng*) do ngân hàng nhà nước Việt Nam phát hành.

- 01 (Một) tờ tiền giấy mệnh giá 20 YUAN (*Hai mươi nhân dân tệ*) có số seri JY86387240 do Trung Quốc phát hành.

- 03 (Ba) tờ tiền giấy mệnh giá 10 YUAN (*Mười nhân dân tệ*) có số seri P7C0185813; T2J6401198; A9X4691854 do Trung Quốc phát hành.

- 01 (Một) tờ tiền giấy mệnh giá 50 YUAN (*Năm mươi nhân dân tệ*) có số seri UI56083013 do Trung Quốc phát hành.

- 01 (Một) tờ tiền giấy mệnh giá 1.000 JPY (*Một nghìn yên Nhật Bản*) có số seri HV371771E do Nhật Bản phát hành.

- 02 (Hai) thẻ cào điện thoại do nhà mạng Viettel phát hành có mệnh giá 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng) có số seri 22765701987 và 22765701989.

- 01 (Một) nhẫn đeo tay có màu vàng, trên mặt nhẫn có màu đen, trên chiếc nhẫn có số 85, trong lòng nhẫn có chữ số 10k.

- 01 (Một) chiếc điện thoại Nokia 1202, nắp sau màu xanh đậm, số IMEI 356623/02/887525/9, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong.

4. HTL giao nộp:

- 01 (Một) thanh gỗ dài 2,06m, dạng hình hộp chữ nhật, mặt cắt hình chữ nhật tiết diện 6,5 x 9 cm, màu vàng xám.

- 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân mang tên HVH số xxxxx do Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 14/8/2013.

* *Quá trình điều tra vụ án, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Kỳ Anh đã trả lại các tài sản cho chủ sở hữu gồm:*

1. Trả cho Công ty X3:

+ Số thẻ cào điện thoại:

- 01 (Một) thẻ cào điện thoại do nhà mạng vinaphone phát hành có mệnh giá 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*) số seri 3619570013337. Đã bị cào rách phần mã thẻ nạp tiền.

- 05 (Năm) thẻ cào điện thoại do nhà mạng Mobifone phát hành mệnh giá mỗi thẻ cào là 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*); 01 (Một) thẻ cào mệnh giá 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) có số seri 040081000886952, đã bị rách một phần mã thẻ nạp tiền; 01 (Một) thẻ cào điện thoại mệnh giá 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*), đã bị rách một phần mã thẻ nạp tiền.

- 04 (Bốn) thẻ cào điện thoại do nhà mạng viettel phát hành mệnh giá 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*) có số seri lần lượt là: 22765701987, 22765701988, 22765701989 và 22765701990, chưa sử dụng có tổng giá trị 400.000 đồng (*Bốn trăm nghìn đồng*).

+ Tiền do ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành: 07 (Bảy) tờ tiền Polyme mệnh giá 500.000 đồng (*Năm trăm nghìn đồng*); 01 (Một) tờ tiền Polyme mệnh giá 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*); 01 (Một) tờ tiền Polyme mệnh giá 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*); 01 (Một) tờ tiền Polyme mệnh giá 50.000 đồng (*Năm mươi nghìn đồng*); 01 (Một) tờ tiền Polyme mệnh giá 20.000 đồng (*Hai mươi nghìn đồng*); 04 (Bốn) tờ tiền Polyme mệnh giá 10.000 đồng (*Mười nghìn đồng*); 02 (Hai) tờ tiền giấy mệnh giá 5.000 đồng (*Năm nghìn đồng*); 01 (Một) tờ tiền có mệnh giá 2.000 đồng (*Hai nghìn đồng*); 06 (Sáu) tờ tiền có mệnh giá 1.000 đồng (*Một nghìn đồng*); 06 tờ tiền có mệnh giá 500 đồng (*Năm trăm đồng*). Tổng cộng 3.934.000 đồng (*Ba triệu chín trăm ba mươi tư nghìn đồng*). Tổng cộng 02 khoản đã trả là 4.334.000 đồng (*Bốn triệu ba trăm ba mươi tư nghìn đồng*)

2. Trả cho ông CWL: 200USD (*Hai trăm đô la Mỹ*), 100YUAN (*Một trăm tiền Trung Quốc*); 3.000 TWD (*Ba nghìn Tân Đài tệ Đài Loan*). Tổng trị giá quy đổi ra tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam là 6.802.000 đồng (*Sáu triệu tám trăm linh hai nghìn đồng*)

3. Trả cho ông KKH: 1.000 JPY (*Một nghìn Yên Nhật Bản*), quy đổi thành tiền do ngân hàng nhà nước Việt Nam có giá trị 217.270 đồng (*Hai trăm mười bảy nghìn hai trăm bảy mươi đồng*).

Nên HĐXX miễn xét.

* *Số vật chứng còn lại:*

- 01 (Một) chiếc quần ngố màu xanh nõn chuối, có 02 túi trước và 02 túi sau, trên mép mỗi túi quần có dòng chữ FSSPORT, đã qua sử dụng.

- 01 (Một) chiếc ba lô màu đen, có hai quai màu đen, không kiểm tra chi tiết bên trong, đã qua sử dụng.

- 01 (Một) thanh gỗ hình tròn đường kính 3,8cm, dài 42,5cm.

- 01 (Một) thanh gỗ hình tròn đường kính 3,5cm, dài 43cm.

- 01 (Một) thanh gỗ dài 2,06m, dạng hình hộp chữ nhật, mặt cắt hình chữ nhật tiết diện 6,5 x 9 cm, màu vàng xám.

- 01 (Một) vật bằng kim loại, màu xám đen, dạng búa có kích thước 13 x 6 x 5 cm, ở giữa có lỗ hình bầu dục nơi rộng nhất là 4cm, nơi hẹp nhất là 3,5 cm.

- 01 (Một) vật bằng kim loại màu xám đen, dạng búa, có kích thước 15 x 6,8 x 5cm, ở giữa có một lỗ hình bầu dục nơi rộng nhất là 4,5cm và nơi hẹp nhất là 4cm.

- 01 (Một) xà cạy bằng kim loại, màu xám đen có chiều dài 39,5 cm, một đầu đập dẹp và một đầu đập dẹp uốn cong có rãnh ở giữa.

- 01 (Một) xà cạy bằng kim loại, màu xám đen có chiều dài 46cm, một đầu đập dẹp và một đầu đập dẹp uốn cong.

- 01 (Một) xà cạy bằng kim loại, màu xám đen có chiều dài 40cm, một đầu đập dẹp và một đầu đập dẹp uốn cong.

- 01 (Một) tua vít dài 19,5 cm, có cán màu vàng dài 10cm.

- 01 (Một) tua vít dài 27,5cm, có cán làm bằng nhựa màu đen dài 12cm.

- 01 (Một) ống nhựa màu trắng, một đầu đút vào ống nhựa màu đỏ, một đầu đút vào nắp chai màu vàng đường kính 0,4cm.

- 01 (Một) ống nhựa màu đỏ, sọc trắng dài 8cm, đường kính 0,5cm.

- 01 (Một) ống thủy tinh màu xanh, một đầu tròn, dài 11cm.

- 01 (Một) vật được bọc trong nilon dài 8cm, không kiểm tra chi tiết bên trong.

- 01 (Một) chiếc cặp da màu đen, có hai quai màu đen, đã qua sử dụng.

- 02 (Hai) đôi găng tay bằng len, có màu đỏ trắng, đã qua sử dụng.

- 01 (Một) khẩu trang có sọc cò rô màu nâu, đã qua sử dụng.

- 01 (Một) khăn trùm đầu, bịt mặt có hoa văn màu đỏ trắng, đã qua sử dụng.

- 01 (Một) ví da màu đen, đã qua sử dụng.

Đây là những công cụ dùng vào việc phạm tội không có giá trị nghi cần tịch thu tiêu hủy

- 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân mang tên HVH số xxxxx do Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 14/8/2014 không liên quan đến vụ án. Nghi cần trả lại cho HVH.

- 01 (Một) chiếc xe máy nhãn hiệu SYM, loại xe Angel, màu sơn Ghi – Bạc, số khung xxxxx, số máy không xác định, biển kiểm soát 14K2 – xxxx, xe đã qua sử dụng. Đây là chiếc xe mô tô của ông PVH cho ĐVH mượn, tuy nhiên, xe không có giấy tờ nên cần giao cho Ủy ban nhân dân thị xã Kỳ Anh xử lý theo thẩm quyền.

- 02 (Hai) chiếc điện thoại Nokia 1280, màu đen, một chiếc có IMEI 351876/01/184782/7, một chiếc có IMEI 353690/05/707061/8, cả hai máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong.

- 01 (Một) chiếc điện thoại Nokia 1202, nắp sau màu xanh đậm, số IMEI 356623/02/887525/9, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong.

Đây là những chiếc điện thoại các bị cáo dùng để liên lạc với nhau đi trộm cắp nghĩ cần phát mại bán đấu giá sung công quỹ Nhà nước.

- 01 (Một) nhẫn đeo tay có màu vàng, trên mặt nhẫn có khối đá màu đen hình chữ nhật, trên chiếc nhẫn có số 85, trong lòng nhẫn có chữ số 10k, không thực hiện giám định chất liệu kim loại. Đây là chiếc nhẫn của bị cáo HVH không liên quan đến vụ án nghĩ cần trả lại cho HVH.

Và cần áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 41 – BLHS; Điểm a, Điểm b, Điểm đ, Khoản 2, Khoản 3 Điều 76 – BLTTHS để xử lý số vật chứng nói trên.

[6]. Về trách nhiệm dân sự:

1. Công ty X3, sau khi nhận lại được số tài sản nêu trên bị hại còn có đơn yêu cầu các bị cáo bồi thường các khoản là 118.388.500đồng (*Một trăm mười tám triệu ba trăm tám mươi tám nghìn năm trăm đồng*).

2. Ông KKH yêu cầu các bị cáo bồi thường:

- 4.500.000đồng (*Bốn triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành trên thị trường;

- 100 (*Một trăm Nhân dân tệ tiền Trung Quốc*), quy đổi ra tiền Việt Nam đồng là $100 \times 3,341 = 334.100$ đồng (*Ba trăm ba mươi tư nghìn một trăm đồng*);

- 100 (*Một trăm Tân Đài Tệ tiền Đài Loan*), quy đổi ra tiền Việt Nam đồng là $100 \times 692,7 = 69.270$ đồng (*Sáu mươi chín nghìn hai trăm bảy mươi đồng*);

- 20USD (*Hai mươi đô la Mỹ*), đổi ra tiền Việt Nam đồng là $20 \times 21.949 = 438.980$ đồng (*Bốn trăm ba mươi tám nghìn chín trăm tám mươi đồng*).

Tổng cộng số tiền là 5.342.350đồng (*Năm triệu ba trăm bốn mươi hai nghìn ba trăm năm mươi đồng*)

3. Ông CWL yêu cầu các bị cáo bồi thường:

- 6.000.000đồng (*Sáu triệu đồng*) tiền Ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành trên thị trường.

- 5.200 (*Năm nghìn hai trăm Tân Đài tệ tiền Đài Loan*), đổi ra tiền Việt Nam đồng là $5.200 \times 692,7 = 3.602.040$ đồng (*Ba triệu sáu trăm lẻ hai nghìn không trăm bốn mươi đồng*);

- 400 (*Bốn trăm tiền Nhân dân tệ tiền Trung Quốc*) đổi ra tiền Việt Nam đồng là $400 \times 3.341 = 1.336.400$ đồng (*Một triệu ba trăm ba mươi sáu nghìn bốn trăm đồng*).

Tổng cộng số tiền là 10.938.440đồng (*Mười triệu chín trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm bốn mươi đồng*).

4. Công ty X1 yêu cầu các bị cáo bồi thường 30.000.000đồng (*Ba mươi triệu đồng*) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành trên thị trường.

5. Ông XT yêu cầu các bị cáo bồi thường 5.000.000đồng (*Năm triệu đồng*) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành trên thị trường.

6. Công ty X2 yêu cầu bị cáo ĐVH bồi thường 163.000.000đồng (*Một trăm sáu mươi ba triệu đồng*) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành trên thị trường và anh PVH yêu cầu bị cáo ĐVH bồi thường 1.500.000đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*) tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam đang lưu hành trên thị trường.

Hội đồng xét xử xét thấy các yêu cầu trên của các nguyên đơn dân sự và các bị hại là có căn cứ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đồng ý với yêu cầu trên và giữa các bị cáo, người bị hại có thỏa thuận số tiền ngoại tệ gồm: Đài tệ, Nhân dân tệ, USD(Đô la Mỹ) mà người bị hại có yêu cầu nay chuyển đổi ra tiền Việt Nam đồng theo thời điểm xảy ra các hành vi trộm cắp là tháng 9/2016. HĐXX xét thấy sự thỏa thuận là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nghĩ cần căn cứ vào áp dụng Điều 42 – Bộ luật Hình sự năm 1999, các Điều 584, 585, 586, 587, 589 – Bộ luật Dân sự năm 2015; Xử tuyên các bị cáo phải bồi thường cho người bị hại và nguyên đơn dân sự theo những yêu cầu trên.

Đối với số tiền 175.000.000đ(*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn*) nằm trong tài khoản số xxxxx mang tên NTV tại Ngân hàng NN& PTNT Việt Nam Chi nhánh Ngũ Lão Bắc Hải Phòng. Quá trình điều tra bị cáo ĐVH và chị NTV là vợ của bị cáo đã khai nhận. Sau khi trộm được tiền bị cáo đã 4(bốn) lần gửi vào số tài khoản nói trên. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo, luật sư bào chữa cho bị cáo cũng như trong quá trình điều tra Chị NTV đã có đề nghị được chuyển số tiền 175.000.000đ(*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn*) nằm trong tài khoản số xxxxx mang tên NTV đến cơ quan có thẩm quyền để đảm bảo công tác thi hành án sau này.

HĐXX xét thấy lời đề nghị của bị cáo cũng như luật sư bào chữa cho bị cáo và lời khai tại cơ quan điều tra của Chị NTV là có căn cứ đúng theo quy định của pháp luật nghĩ cần yêu cầu: Ngân hàng NN& PTNT Việt Nam Chi nhánh Ngũ Lão Bắc Hải Phòng có trách nhiệm chuyển số tiền 175.000.000đ(*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn*) nằm trong tài khoản số xxxxx mang tên NTV đến Chi cục thi hành án Dân sự thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh để đảm bảo công tác thi hành án sau này.

Về phần bồi thường dân sự cụ thể các bị cáo phải bồi thường như sau:

* Bị cáo ĐVH phải bồi thường cho:

- Công ty X3 với số tiền: 80.024.200đ (*Tám mươi triệu không trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm đồng*).

- Công ty X2 với số tiền 163.000.000đồng (*Một trăm sáu mươi ba triệu đồng chẵn*).
- Anh: PVH số tiền 1.500.000đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).
- Ông KKH số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng chẵn*)
- Công ty X1 15.876.000đồng (*Mười lăm triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*).
- Ông CWL 6.938.440đ (*Sáu triệu chín trăm ba tám nghìn bốn trăm bốn mươi đồng*).
- Ông XT số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng chẵn*).

Tổng cộng số tiền bị cáo ĐVH phải bồi thường là: 273.338.640đ (*Hai trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi đồng*). Nhưng được khấu trừ số tiền 175.000.000đ (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn*) nằm trong tài khoản số xxxxx mang tên NTV tại Ngân hàng NN& PTNT Việt Nam Chi nhánh Ngũ Lão Bắc Hải Phòng và số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng chẵn*) mà bố bị cáo đã nộp tại chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004858 ngày 24/7/2017.

* Bị cáo HVH phải bồi thường cho:

- Công ty X3 với số tiền: 38.364.300đ (*Ba mươi tám triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm đồng*).
- Ông KKH số tiền 2.342.350đ (*Hai triệu ba trăm bốn hai nghìn ba trăm năm mươi đồng*).
- Công ty X1 14.124.000đồng (*Mười bốn triệu một trăm hai mươi bốn nghìn đồng*)
- Ông CWL 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng chẵn*)
- Ông XT số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng chẵn*).

Tổng số tiền bị cáo HVH phải bồi thường là: 60.830.650đ (*Sáu mươi triệu tám trăm ba mươi ngàn sáu trăm năm mươi đồng*) Nhưng được khấu trừ số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng*) mà vợ bị cáo đã nộp tại chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004859 ngày 24/7/2017.

[7]. *Về án phí*: Các bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[8]. Bị cáo, người bị hại, nguyên đơn dân sự, người liên quan được quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo ĐVH và HVH phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Áp dụng Điểm a Khoản 3 Điều 138; Điểm b, Điểm o, Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điểm g Khoản 1 Điều 48, các Điều 20, Điều 53 – Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 4 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7; Khoản 1, Khoản 2 Điều 70 - Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt:

ĐVH 7 (Bảy) năm, 6 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 28/9/2016.

- Áp dụng Điểm e Khoản 2 Điều 138; Điểm b, Điểm o, Điểm p Khoản 1, Khoản 2 Điều 46, Điểm g Khoản 1 Điều 48, các Điều 20, Điều 53 – Bộ luật Hình sự năm 1999; Điều 4 Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Khoản 3 Điều 7; Khoản 1, Khoản 2 Điều 70 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Xử phạt:

HVH 02 (Hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam là ngày 28/9/2016.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 – Bộ luật Hình sự năm 1999 các điều 584, 585, 586, 587, 589 – Bộ luật Dân sự năm 2015, tuyên:

** Bị cáo ĐVH phải bồi thường cho:*

Công ty X3 với số tiền: 80.024.200đ (*Tám mươi triệu không trăm hai mươi bốn nghìn hai trăm đồng*).

- Công ty X2 với số tiền 163.000.000đồng (*Một trăm sáu mươi ba triệu đồng chẵn*).

- Anh: PVH số tiền 1.500.000đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*).

- Ông KKH số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng chẵn*)

- Công ty X1 15.876.000đồng (*Mười lăm triệu tám trăm bảy mươi sáu nghìn đồng*).

- Ông CWL 6.938.440đ (*Sáu triệu chín trăm ba tám nghìn bốn trăm bốn mươi đồng*).

- Ông XT số tiền 3.000.000đ (*Ba triệu đồng chẵn*).

Tổng cộng số tiền bị cáo ĐVH phải bồi thường là: 273.338.640đ (*Hai trăm bảy mươi ba triệu, ba trăm ba mươi tám nghìn sáu trăm bốn mươi đồng*). Nhưng được khấu trừ số tiền 175.000.000đ (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn*) nằm trong tài khoản số xxxxx mang tên NTV tại Ngân hàng NN& PTNT Việt Nam Chi nhánh Ngũ Lão Bắc Hải Phòng; và số tiền 30.000.000đ (*Ba mươi triệu đồng chẵn*) đã nộp tại chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004858 ngày 24/7/2017.

** Bị cáo HVH phải bồi thường cho:*

- Công ty X3 với số tiền: 38.364.300đ (*Ba mươi tám triệu ba trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm đồng*).

- Ông KKH số tiền 2.342.350đ (*Hai triệu ba trăm bốn hai nghìn ba trăm năm mươi đồng*).

- Công ty X1 14.124.000đ (*Mười bốn triệu một trăm hai mươi bốn nghìn đồng*)

- Ông CWL 4.000.000đ (*Bốn triệu đồng chẵn*)

- Ông XT số tiền 2.000.000đ (*Hai triệu đồng chẵn*).

Tổng số tiền bị cáo HVH phải bồi thường là: 60.830.650đ (*Sáu mươi triệu tám trăm ba mươi nghìn sáu trăm năm mươi đồng*). Nhưng được khấu trừ số tiền 20.000.000đ (*Hai mươi triệu đồng chẵn*) đã nộp tại chi cục Thi hành án Dân sự thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo biên lai thu tiền số AA/2016/0004859 ngày 24/7/2017.

* Ngân hàng NN& PTNT Việt Nam Chi nhánh Ngũ Lão Bắc Hải Phòng; có địa chỉ: Thôn Trung Sơn, Xã A, huyện A, thành phố Hải Phòng, có trách nhiệm chuyển số tiền 175.000.000đ (*Một trăm bảy mươi lăm triệu đồng chẵn*) nằm trong tài khoản số xxxxx mang tên NTV đến Chi cục thi hành án thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh theo số tài khoản 3949.0.1122678.00000 tại Kho bạc Nhà nước thị xã Kỳ Anh, tỉnh Hà Tĩnh.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điểm a Khoản 1 Điều 41 – Bộ luật Hình sự; Điểm a, Điểm b, Điểm đ, Khoản 2, Khoản 3 Điều 76 – Bộ luật Tố tụng Hình sự, tuyên:

* *Tịch thu tiêu hủy:*

- 01 (Một) chiếc quần ngắn màu xanh nõn chuối, có 02 túi trước và 02 túi sau, trên mép mỗi túi quần có dòng chữ FSSPORT, đã qua sử dụng.

- 01 (Một) chiếc ba lô màu đen, có hai quai màu đen, không kiểm tra chi tiết bên trong, đã qua sử dụng.

- 01 (Một) thanh gỗ hình tròn đường kính 3,8cm, dài 42,5cm.

- 01 (Một) thanh gỗ hình tròn đường kính 3,5cm, dài 43cm.

- 01 (Một) thanh gỗ dài 2,06m, dạng hình hộp chữ nhật, mặt cắt hình chữ nhật tiết diện 6,5 x 9 cm, màu vàng xám.

- 01 (Một) vật bằng kim loại, màu xám đen, dạng búa có kích thước 13 x 6 x 5 cm, ở giữa có lỗ hình bầu dục nơi rộng nhất là 4cm, nơi hẹp nhất là 3,5 cm.

- 01 (Một) vật bằng kim loại màu xám đen, dạng búa, có kích thước 15 x 6,8 x 5cm, ở giữa có một lỗ hình bầu dục nơi rộng nhất là 4,5cm và nơi hẹp nhất là 4cm.

- 01 (Một) xà cạy bằng kim loại, màu xám đen có chiều dài 39,5 cm, một đầu đập dẹp và một đầu đập dẹp uốn cong có rãnh ở giữa.
 - 01 (Một) xà cạy bằng kim loại, màu xám đen có chiều dài 46cm, một đầu đập dẹp và một đầu đập dẹp uốn cong.
 - 01 (Một) xà cạy bằng kim loại, màu xám đen có chiều dài 40cm, một đầu đập dẹp và một đầu đập dẹp uốn cong.
 - 01 (Một) tua vít dài 19,5 cm, có cán màu vàng dài 10cm.
 - 01 (Một) tua vít dài 27,5cm, có cán làm bằng nhựa màu đen dài 12cm.
 - 01 (Một) ống nhựa màu trắng, một đầu đút vào ống nhựa màu đỏ, một đầu đút vào nắp chai màu vàng đường kính 0,4cm.
 - 01 (Một) ống nhựa màu đỏ, sọc trắng dài 8cm, đường kính 0,5cm.
 - 01 (Một) ống thủy tinh màu xanh, một đầu tròn, dài 11cm.
 - 01 (Một) vật được bọc trong nilon dài 8cm, không kiểm tra chi tiết bên trong.
 - 01 (Một) chiếc cặp da màu đen, có hai quai màu đen, đã qua sử dụng.
 - 02 (Hai) đôi găng tay bằng len, có màu đỏ trắng, đã qua sử dụng.
 - 01 (Một) khẩu trang có sọc cờ rô màu nâu, đã qua sử dụng.
 - 01 (Một) khăn trùm đầu, bịt mặt có hoa văn màu đỏ trắng, đã qua sử dụng.
 - 01 (Một) ví da màu đen, đã qua sử dụng.
- * Trả lại cho HVH:*
- 01 (Một) Giấy chứng minh nhân dân mang tên HVH số xxxxx do Công an thành phố Hải Phòng cấp ngày 14/8/2014.
 - 01 (Một) nhẫn đeo tay có màu vàng, trên mặt nhẫn có khối đá màu đen hình chữ nhật, trên chiếc nhẫn có số 85, trong lòng nhẫn có chữ số 10k (Không thực hiện giám định chất liệu kim loại).
- *Giao cho Ủy ban nhân dân thị xã Kỳ Anh Tỉnh Hà Tĩnh xử lý theo thẩm quyền:* 01 (Một) chiếc xe máy không có giấy tờ nhãn hiệu SYM, loại xe Angel, màu sơn Ghi – Bạc, số khung xxxxx, số máy không xác định, biển kiểm soát 14K2 – xxxx, xe đã qua sử dụng.
- * Tịch thu phát mại bán đấu giá sung công quỹ nhà nước:*
- 02 (Hai) chiếc điện thoại Nokia 1280, màu đen, một chiếc có IMEI 351876/01/184782/7, một chiếc có IMEI 353690/05/707061/8, cả hai máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong.
 - 01 (Một) chiếc điện thoại Nokia 1202, nắp sau màu xanh đậm, số IMEI 356623/02/887525/9, đã qua sử dụng, không kiểm tra chi tiết bên trong.

(Vật chứng có tình trạng và đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 25/4/2017).

4. Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 99 – Bộ luật tố tụng Hình sự, Khoản 1, Khoản 3 Điều 21; Điểm a, Điểm c Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí tòa án, tuyên:

Xử buộc bị cáo ĐVH, HVH mỗi người phải nộp 200.000đ(*Hai trăm nghìn đồng chẵn*) án phí Hình sự sơ thẩm. Bị cáo ĐVH phải nộp 3.417.000đ(*Ba triệu bốn trăm mười bảy nghìn đồng*) và HVH phải nộp 2.042.000đ(*Hai triệu không trăm bốn mươi hai nghìn đồng*) án phí Dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án Dân sự.

5. Về quyền kháng cáo đối với Bản án: Bị cáo, bị hại, được quyền kháng cáo bản án này lên tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nguyên đơn dân sự được quyền kháng cáo bản án này về phần bồi thường dân sự lên tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình lên tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại vắng mặt được quyền kháng cáo bản này lên tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo bản án về những vấn đề trực tiếp liên quan đến quyền lợi nghĩa vụ của mình lên tòa án cấp trên trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ